TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Bích Vân;

Ông Vi Văn Thanh;

-***Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vi Văn C, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Lộ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/01/2024, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Văn C không được tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình mai mối cho, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 07/10/2019. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau do anh Vi Văn C thường xuyên uống rượu về

gây sự đánh nhau. Chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh Vi Văn C vẫn không thay đổi, vẫn uống rượu say về là đánh chị. Việc anh Vi Văn C đánh chị, uống rượu say ai cũng biết. Đến khoảng tháng 01/2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tư đó đến nay. Vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn với anh C, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị cho đến khi kết thúc vụ án. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản khai ngày 07/02/2024 anh Vi Văn C trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thi T không được tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình mai mối cho, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 07/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Đến khoảng tháng 01/2022 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho đến nay. Anh và chị T không liên lạc gì với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn thì anh nhất trí và anh Vi Văn C đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án (Điều 28, 35, 39 BLTTDS); tư cách tham gia tố tụng của đương sự (Điều 68 BLTTDS); lấy lời khai đương sự đúng quy định (Điều 97, 98 BLTTDS); việc tống đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ (Điều 174, 175, 177 BLTTDS); thời hạn chuẩn bị xét xử, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định (Điều 203, 208, 209, 210, 211 BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử , Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án: xem xét việc có đương sự vắng mặt tại phiên tòa tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Xét thấy bị đơn và nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự đúng quy định của pháp luật tại Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại điều 51, 237 Bộ luật tố tụng dân sự: Ổn định phiên tòa, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra và báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy: Chị Lê Thị T và anh Vi Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 07/10/2019. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau, chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 01/2022 đến nay, chị Lê Thị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trong thời gian này chị và anh C không liên lạc với nhau, anh C không có bất kỳ hành động nào thể hiện muốn hàn gắn, vun vén tình cảm vợ chồng. Khi nhận được thông báo thụ lý vụ án ly hôn của Tòa án, anh Vi Văn C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.Xét thấy tình trạng hôn nhân của giữa chị T và anh C mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Vi Văn C. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí chị Lê Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị T và anh Vi Văn C đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Lê Thị T và anh Vi Văn C theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vi Văn C, cư trú tại thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Vi Văn C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 07/10/2019, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công

nhận và bảo vệ. Chị Lê Thị T và anh Vi Văn C đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi, đánh nhau, ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay, sau khi ly thân không ai quan tâm liên lạc gì với nhau, đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Lê Thị T và anh Vi Văn C đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Vi Văn C xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Vi Văn C. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 35, đăng ký ngày 07/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn)*

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Lê Thị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002282 ngày 05/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã K, huyện L;
- Các đương sự, ...;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai